

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HS-ST
Ngày 21-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Ngát - Cán bộ hưu trí, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng.

Ông Nguyễn Sĩ Mạnh - Cán bộ chuyên trách huyện đoàn huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 31/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Gia D, sinh ngày 08 tháng 5 năm 2002 tại Ninh Bình (đến ngày phạm tội bị cáo 16 tuổi 11 tháng 27 ngày). Nơi cư trú: Thôn L, xã G1, huyện G, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Gia T1 và bà Vũ Thị N; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng Lệnh "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 21 tháng 5 năm 2019; có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà Vũ Thị N, sinh năm 1977 (là mẹ đẻ của bị cáo); nơi cư trú: Thôn L, xã G1, huyện G, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Đặng Thị Minh L - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; địa chỉ Trung tâm TGPL: Số 112, đường L, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị hại*: Anh Nguyễn Công T (tên gọi khác là T), sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Trịnh Văn H, sinh năm 1959; nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 47 phút ngày 05 tháng 5 năm 2019, Nguyễn Gia D đi xe đạp mini màu đỏ qua cửa hàng mua bán điện thoại “Tín Thảo” của anh Nguyễn Công T, sinh năm 1985, ở thôn Đ, xã N, huyện K. D nhìn thấy bên trong cửa hàng không có người trông coi liền nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. D đi vào trong cửa hàng lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S6 màu vàng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu ghi có gắn 01 sim điện thoại 0935.229666 để ở trên mặt bàn kê giữa cửa hàng cho vào túi quần bên trái của D rồi đi về nhà ông ngoại là ông Vũ Hữu V, sinh năm 1944, ở thôn Đ, xã N. Vào khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày, D đi xe đạp đến cửa hàng mua bán điện thoại “Hải Hoa” của ông Trịnh Văn H, sinh năm 1959, ở thôn X, xã T, huyện K bán 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S6 màu vàng được 1.000.000 đồng. D mua của ông H 01 cục sạc pin dự phòng với giá 350.000 đồng và 01 dây sạc pin điện thoại Iphone với giá 40.000 đồng nên ông H đưa cho D 610.000 đồng. Sau đó D đã ăn tiêu cá nhân hết 560.000 đồng, còn lại 50.000 đồng. Đến khoảng 07 giờ 30 phút ngày 06 tháng 5 năm 2019, D tiếp tục cầm điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S đi bán, khi đang đi xe đạp đến khu vực xã T, huyện K thì bị Công an xã N và anh T đưa về trụ sở Công an xã N làm việc. Ngày 06 tháng 5 năm 2019, Cơ quan điều tra sao chép hình ảnh diễn biến hành vi D trộm cắp 02 chiếc điện thoại di động do camera an ninh của cửa hàng mua bán điện thoại T ghi lại vào thiết bị lưu trữ USB nhãn hiệu Kingston 16GB.

Vật chứng thu giữ của D: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S D đã trộm cắp của anh T; 01 cục sạc pin dự phòng D mua của ông H, 01 dây sạc pin điện thoại màu trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiami màu đen; 01 ví màu đen bên trong gồm: 01 căn cước công dân, 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank đều mang tên D, 01 ảnh 04 x 06, 02 danh thiếp nhà xe, 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng và 01 chiếc xe đạp mini màu đỏ; Công an xã N thu hồi 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S6 màu vàng tại cửa hàng mua bán điện thoại “H” của ông Trịnh Văn H.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện K kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S6 màu vàng trị giá 800.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu ghi trị giá 2.500.000 đồng. Tổng trị giá 02 điện thoại là 3.300.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 31/CT-VKS-KT ngày 16 tháng 7 năm 2019, Viện Kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố Nguyễn Gia D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận tội: Khoảng 12 giờ 47 phút ngày 05 tháng 5 năm 2019, Nguyễn Gia D đã trộm cắp trong cửa hàng mua bán điện thoại “T” của anh Nguyễn Công T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S6 màu vàng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu ghi có gắn 01 sim có số điện thoại 0935.229666, sim này D đã vứt đi nhưng không nhớ đã vứt ở đâu. Khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày, D mang 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S6 màu vàng bán tại cửa hàng mua bán điện thoại “H” của ông Trịnh Văn H được 1.000.000 đồng. D mua của ông H 01 cục sạc pin dự phòng với giá 350.000 đồng và 01 dây sạc pin điện thoại Iphone với giá 40.000 đồng nên ông H đưa cho D 610.000 đồng. Sau đó D đã ăn tiêu cá nhân hết 560.000, còn 50.000 đồng. Đến khoảng 07 giờ 30 phút ngày 06 tháng 5 năm 2019, D đang mang điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S để đi bán lấy tiền chi tiêu cá nhân thì bị Công an xã N và anh T đưa về trụ sở Công an xã làm việc. Bị cáo đã xin lỗi và hoàn trả cho ông H số tiền 1.000.000 đồng ông H bỏ ra mua điện thoại Samsung Galaxy S6 màu vàng do D trộm cắp mà có. 01 dây sạc máy Iphone 6s bị cáo dùng tiền do phạm tội mà có để mua của ông H, khi sử dụng bị hỏng đã vứt đi. Xe đạp mi ni bị cáo sử dụng để đi trộm cắp tài sản là xe của ông V là ông ngoại bị cáo cho bị cáo mượn để đi lại, ông V không biết việc bị cáo sử dụng xe của ông để đi trộm cắp tài sản.

Tại Cơ quan điều tra, anh T khai: Khoảng 19 giờ ngày 05 tháng 5 năm 2019, anh phát hiện trong cửa hàng điện thoại "T" do anh làm chủ bị mất 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S6 màu vàng trị giá khoảng 2.500.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu ghi trị giá khoảng 3.800.000 đồng có gắn 01 sim có số điện thoại 0935.229666 để ở trên mặt bàn kê giữa cửa hàng. Sau đó, anh kiểm tra camera gắn trong cửa hàng thì thấy hình ảnh 01 nam thanh niên không quen, biết đi xe đạp mi ni đến dựng ở cửa rồi đi bộ vào trong cửa hàng lấy trộm 02 điện thoại như nêu trên nên anh đi trình báo Công an xã N. Theo kết luận định giá tài sản tại thời điểm bị mất trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S6 màu vàng trị giá 800.000

đồng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu ghi trị giá 2.500.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 3.300.000 đồng, anh đã nhận lại đầy đủ tài sản, không yêu cầu, đề nghị gì thêm và xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại Cơ quan điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hải khai: Ông làm nghề mua bán điện thoại di động ở thôn C, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng. Khoảng 17 giờ ngày 05 tháng 5 năm 2019, có một người thanh niên lạ mặt (sau này mới biết tên là Dũng) đến bán cho ông 01 điện thoại Samsung S6 cũ nên ông mua với giá 1.000.000 đồng và Dũng có mua của ông 01 cục sạc pin dự phòng với giá 350.000 đồng và 01 dây sạc pin điện thoại Iphone với giá 40.000 đồng nên ông đưa lại cho D 610.000 đồng. Ông không biết điện thoại đó do D trộm cắp mà có, khi Công an đến làm việc ông mới biết điện thoại đã mua là do D trộm cắp của anh T, ông H đã giao nộp lại cho Cơ quan Công an. Ông yêu cầu D hoàn trả lại số tiền 1.000.000 đồng, D và gia đình đã hoàn trả đầy đủ cho ông nên ông không còn yêu cầu đề nghị gì thêm đối với Dũng.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo - bà L trình bày: Về tội danh, bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục hậu quả, bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm và có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo không có tiền án, tiền sự; bị cáo có ông nội được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba và ông ngoại là thương binh" theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; về hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng đều nhất trí như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không có tranh luận gì. Do thời điểm phạm tội bị cáo mới 17 tuổi, đây là độ tuổi chưa có sự phát triển đầy đủ về tâm sinh lý. Bị cáo là người có trình độ học vấn thấp (9/12), nhận thức pháp luật có rất nhiều hạn chế do đó dễ bị nảy sinh cảm dỗ. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo chỉ mang tính chất giản đơn, mang tính bột phát. Vì vậy, kính mong Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu trên và đề nghị cho bị cáo được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự "Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn" do tài sản bị cáo chiếm đoạt có tổng giá trị 3.300.000 đồng.

Từ các phân tích nêu trên, căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, kính đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 36; Điều 100; các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 áp dụng hình

phạt 15 tháng "Cải tạo không giam giữ" đối với bị cáo để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm trở thành công dân có ích cho xã hội đồng thời có điều kiện để lao động tăng thu nhập phục vụ nhu cầu sinh hoạt của gia đình.

Sau quá trình thẩm vấn, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của bị cáo; Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36; Điều 100; Điều 91 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Nguyễn Gia D mức án tù 15 tháng đến 18 tháng "Cải tạo không giam giữ" về tội "Trộm cắp tài sản".

- Bị cáo là người dưới 18 tuổi nên không khấu trừ một phần thu nhập.

- Bị cáo là người dưới 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Tài sản bị chiếm đoạt là 02 điện thoại di động, Cơ quan điều tra đã thu hồi, trả lại đầy đủ cho bị hại; 01 xe mi ni cũ, màu đỏ đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông V; 01 dây sạc pin điện thoại màu trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiami màu đen; 01 ví da màu đen, 01 căn cước công dân, 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank đều mang tên D, 01 ảnh 04 x 06, 02 danh thiếp nhà xe không liên quan đến hành vi phạm tội, đã trả lại cho bị cáo, nên không xem xét.

Đối với 01 chiếc sim điện thoại lắp trong chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu ghi của anh T và 01 dây sạc pin điện thoại Iphone mua của anh H, D đã vứt đi nên không thu hồi được nên không xem xét.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo 01 sạc pin dự phòng và 50.000 đồng.

- Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt là 02 chiếc điện thoại đã thu hồi, trả lại đầy đủ cho gia đình bị hại và 01 sim điện thoại số 0935.229666 gắn trong điện thoại Iphone 6s của anh T bị cáo đã vứt đi có giá trị nhỏ, anh T không yêu cầu bị cáo bồi thường. Nay bị hại đều không yêu cầu, đề nghị gì thêm nên không đặt ra trách nhiệm cho bị cáo.

Bị cáo đã hoàn trả lại số tiền 1.000.000 đồng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trịnh Văn H nên không đặt ra trách nhiệm cho bị cáo.

Đối với ông Trịnh Văn H có hành vi mua 01 điện thoại Samsung Galaxxy S6 của bị cáo, tuy nhiên ông không biết đó là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Sau khi đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản, kết luận giám định hình ảnh, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào hồi 12 giờ 47 phút ngày 05 tháng 5 năm 2019, Nguyễn Gia D thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh Nguyễn Công T gồm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S6 màu vàng có giá trị 800.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu ghi có giá trị 2.500.000 đồng. Tổng tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị 3.300.000 đồng. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Gia D phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khi phạm tội bị cáo 16 tuổi 11 tháng 27 ngày, hành vi phạm tội của bị cáo xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Vì vậy, cần áp dụng một mức hình phạt phù hợp đối với bị cáo, đồng thời để phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có

ông nội được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3 và ông ngoại là thương binh hạng 4/4 (25%). Do đó, cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Người bào chữa cho bị cáo xác định tài sản bị chiếm đoạt có giá trị 3.300.000 đồng có giá trị không lớn, nên đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự "Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn". Do chưa có quy định và hướng dẫn cụ thể nào của pháp luật về số tiền bị cáo chiếm đoạt được là bao nhiêu thì được xác định là "Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn". Vì vậy, bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự như người bào chữa cho bị cáo đề nghị.

[6] Sau khi xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy chỉ cần áp dụng một mức hình phạt phù hợp như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người dưới 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung và không khấu trừ một phần thu nhập đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị hại đã nhận lại đầy đủ tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu, đề nghị gì thêm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hải đã nhận lại số tiền 1.000.000 đồng do bị cáo hoàn trả nên đều không đặt ra trách nhiệm cho bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo 01 sạc pin dự phòng, 50.000 đồng (theo như biên lai thu tiền và biên bản giao, nhận vật chứng ngày 17 tháng 7 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K).

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này: Ông Trịnh Văn H có hành vi mua 01 điện thoại di động Samsung Galaxy S6 của Nguyễn Gia D, tuy nhiên ông không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; khoản 1 Điều 91 và Điều 100 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Nguyễn Gia D 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã G1, huyện G, tỉnh Ninh Bình nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Gia D cho Ủy ban nhân dân xã G1, huyện G, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Trả lại cho bị cáo 01 sạc pin dự phòng, 50.000 đồng (theo như biên lai thu tiền và biên bản giao, nhận vật chứng ngày 17 tháng 7 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải chịu 200.000 đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo là bà Loan, người đại diện hợp pháp cho bị cáo là bà N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại là anh T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hải có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện K, HP;
- Công an huyện K + PV 06;
- UBND xã G;
- Chi cục THADS huyện + Sở TP;
- Bị cáo, bà L bà n, anh T, ông H;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Hoàng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đình Ngát

Nguyễn Sĩ Mạnh

Nguyễn Đức Hoàng